

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHI LĂNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HSST
Ngày: 18/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Duyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quang Vinh.
2. Ông Hoàng Văn Thụy.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Triệu Thị Phương, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Mã Văn Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Vũ T, sinh ngày 02/9/1985, tại thành phố L, tỉnh S; giới tính: Nam; nơi cư trú: Số nhà A, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh S; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Phạm Trọng Đ và con bà: Vũ Anh T; vợ: Không có (đã ly hôn); con: Có 01 con, sinh năm 2012; tiền án: Ngày 01/3/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội trộm cắp tài sản; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giam tại Công an huyện Chi Lăng từ ngày 03/4/2017 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại:

- Ông Phạm Gia L, sinh năm: 1968. Có mặt.
- Bà Vy Thị X, sinh năm: 1968. Có mặt.
- Ông Phạm Anh V, sinh năm: 1979. Vắng mặt.
- Bà Nông Thị T, sinh năm: 1979. Có mặt.

Đều cư trú tại: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh S.

Ông Phạm Anh V ủy quyền cho bà Nông Thị T, sinh năm: 1979. Theo giấy ủy quyền ngày 17/7/2017.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Vũ T bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện C truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 03/4/2017, Phạm Vũ T, sinh năm: 1985, trú tại: Số nhà A, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh S nảy sinh ý định vào nhà ông Phạm Gia L (là chú ruột), trú tại: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh S để trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ T đón xe ô tô khách đi từ thành phố L xuống huyện C và đi bộ đến nhà ông L mở cổng đi vào trong sân, vòng ra phía sau nhà ông Phạm Bá U trèo lên tường rào nhà ông L để bám lên bếp đi sang cửa tầng tum trên nhà thì thấy cửa bị khóa, T nhặt 01 đoạn sắt dài 17cm vút gần đó cạy chỗ cửa bị mục, thò tay vào bên trong mở cửa rồi đi theo cầu thang xuống phòng ngủ của vợ chồng ông L trộm cắp được 01 máy tính bảng màu đen nhãn hiệu Amazontate để trên mặt bàn ti vi, sau đó quan sát xung quanh thấy không có tài sản gì nên T đi lên cửa tum đóng cửa lại, trèo xuống đất và trèo qua tường rào nhà ông L làm tường rào bị đổ thì bị phát hiện, bắt quả tang khoảng 09 giờ cùng ngày.

Quá trình điều tra xác định: Từ ngày 27/3/2017 đến ngày 29/3/2017, Phạm Vũ T còn ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại nhà của ông Phạm Gia L và ông Phạm Anh V (chú ruột của T), cùng trú tại khu H, thị trấn Đ, huyện C. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 08h ngày 27/3/2017 T đón xe khách đi từ thành phố L xuống huyện C và đi bộ vào nhà ông Phạm Gia L, T mở cổng đi vào bên trong định đi vòng ra đằng sau nhà ông Phạm Bá U ở gần đó để vào nhà ông L thì nhìn thấy chị Tô Thị H là vợ của anh Phạm Bá U đang làm vườn ở cạnh nhà nên T không vào nhà ông L nữa, T nhìn sang nhà Phạm Anh V ở bên cạnh đó thấy không có ai ở nhà, T đi ra đằng sau nhà ông V dùng dao lấy ở bếp cạy cửa đi vào trong nhà lấy được 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) ở trong buồng ngủ, sau khi lấy được tiền T ra thị trấn Đ chơi. Số tiền trộm cắp được T sử dụng hết vào việc chi tiêu cá nhân.

Lần thứ hai: Khoảng 14 giờ, ngày 27/3/2017 T đi bộ từ thị trấn Đ vào nhà ông Phạm gia L, quan sát thấy nhà ông L không có ai ở nhà, T liền mở cổng đi vào bên trong và đi ra khu vực tường rào phía sau nhà, thấy có 01 thanh sắt dài 94 cm dựng ở bức tường, T cầm theo và trèo qua tường vào sau nhà ông L sau đó dùng thanh sắt mang theo cạy miếng gỗ trên ô cửa, thò tay vào bên trong mở chốt rồi mở cửa đi vào trong nhà. Khi vào trong buồng ngủ của vợ chồng ông L, T thấy có chiếc tủ gỗ ba ngăn đặt sát tường, cánh cửa tủ hai bên vẫn mở còn cánh tủ giữa khóa, T dùng tay cạy khóa tủ, mở ra thì thấy dưới đáy tủ có mấy chiếc túi xách màu đen, T cầm túi thứ nhất lên mở kiểm tra thì thấy bên trong có 01 túi nhỏ màu

hồng đựng 01 sợi dây truyền màu vàng đã bị đứt, T cầm bỏ ra đệm giường, sau đó tiếp tục lục túi thứ hai thì thấy có một cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), T liền rút lấy một số tờ rồi bỏ số tiền còn lại vào túi xách để lại vị trí cũ. Sau đó T tiếp tục lục soát thì nhìn thấy có một phong bì màu trắng, mở ra xem thấy bên trong có một tập tiền mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) T liền rút lấy một số tờ mệnh giá 200.000 đồng, sau đó để lại phong bì vào vị trí cũ và đóng cửa tủ lại đi ra khỏi phòng và trèo qua tường rào đi vòng ra đằng sau nhà Phạm Bá U để đi ra cổng thì gặp Phạm Bá U đang đứng nói chuyện ngoài cổng. Sau đó T đi vào nhà U chơi, được khoảng 10 phút T nhờ U đèo ra quốc lộ 1A đón xe ô tô về thành phố L. Khi ngồi trên xe ô tô T bỏ số tiền vừa lấy trộm ra kiểm được 35.500.000 đồng (ba mươi năm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền này T đã trả cho một người tên Đ, ở thành phố L, không biết địa chỉ cụ thể 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), do trước đó T vay của Đ, số còn lại T mua thẻ cào điện thoại để đánh bài ăn tiền trên mạng hết.

Lần thứ ba: Khoảng 08 giờ ngày 29/3/2017, T đón xe ô tô từ thành phố L xuống huyện C, đi bộ vào nhà ông L thấy nhà mở cửa, T đoán có người đang ở nhà, nên T đi bộ ra chợ Đ, huyện C chơi. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày T đi bộ vào nhà ông L thấy không có ai ở nhà T mở cổng đi vào bên trong và đi vòng ra đằng sau trèo qua tường phía sau nhà ông L đẩy cửa sau vào nhà nhưng cửa khóa. T trèo qua tường rào phía sau sát trường Mầm non thị trấn Đ, huyện C và trèo lên trần bếp đi sang cửa tầng tum nhà ông L đẩy mạnh làm cửa bung ra, sau đó T đi xuống cầu thang, vào phòng ngủ của vợ chồng ông L, đến chiếc tủ gỗ ba ngăn thấy cánh tủ giữa bị khóa, T dùng tay cạy và mở cánh tủ ra nhìn thấy mấy chiếc túi màu đen, T liền cầm chiếc túi đựng tiền đã lấy lần trước (ngày 27/3/2017), mở ra thì thấy vẫn còn cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng), T rút lấy đi hơn một nửa, số còn lại T để vào vị trí cũ đi ra cầu thang trèo lên trần rồi trèo xuống đất. Sau đó đi ra phía trước nhà ông U, ra ngoài và đi ra Quốc lộ 1A đón xe ô tô khách về thành phố L. Số tiền trộm cắp được T không kiểm đếm cụ thể nhưng ước tính khoảng hơn 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Số tiền này T đã mua thẻ cào điện thoại sử dụng hết vào việc đánh bài ăn tiền trên mạng.

Ngày 04/4/2017 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chi Lăng, kết luận: Giá trị còn lại của chiếc máy tính bảng nhãn hiệu Amazontate là: 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng).

Căn cứ lời khai của của các bị hại từ ngày 27/3/2017 đến ngày 29/3/2017 tổng số tiền mà Phạm Vũ T trộm cắp là 82.100.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong đó của Phạm Gia L (vợ là Vy Thị X) là 81.000.000 đồng (tám mươi một triệu đồng); Phạm Anh V (vợ là Nông Thị T) là 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng). Ông L, bà X

yêu cầu T phải bồi thường, còn bà Nông Thị T (vợ của V) không yêu cầu T Phải bồi thường. Đến nay T chưa bồi thường được cho ông L, bà X.

Số tiền 5.000.000 đồng T đã trả nợ cho một người tên là Đ ở thành phố L, nhưng do T không biết địa chỉ nên không thu hồi lại được.

Ngày 17/5/2017 cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện C đã trả lại: 01 máy tính bảng màu đen nhãn hiệu Amazontate cho bà Vy Thị X.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Phạm Vũ T, về tội trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Kết thúc phần xét hỏi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chi Lăng trình bày bản luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Vũ T theo tội danh và điều luật đã nêu trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Vũ T phạm tội trộm cắp tài sản; áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 1999 và áp dụng Nghị quyết số 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Vũ T từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù và tổng hợp hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo của bản án số: 28/2017/HSST ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn. Tổng hợp hình phạt từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo T và ông Phạm Gia L, bà Vy Thị X. Bị cáo Phạm Vũ T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại ông Phạm Gia L, bà Vy Thị X số tiền 81.000.000 đồng (tám mươi một triệu đồng). Còn bà Nông Thị T và ông Phạm Anh V không yêu cầu bị cáo T bồi thường, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bị cáo Phạm Vũ T không có ý kiến gì tranh luận với kết luận của Viện kiểm sát. Bị cáo thừa nhận việc đưa bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Vũ T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng phù hợp

với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ. Các chứng cứ đó phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm, hành vi, nên có đủ cơ sở để xác định như sau:

Từ ngày 27/3/2017 đến ngày 03/4/2017, Phạm Vũ T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của nhà ông Phạm Gia L và ông Phạm Anh V, cùng trú tại Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh S. Số tài sản T trộm cắp được gồm: 82.100.000 đồng (tám mươi hai triệu một trăm nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam và 01 máy tính bảng hiệu Amazontate trị giá là 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng). Tổng số tài sản T trộm cắp được là 82.900.000 đồng (tám mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Vũ T là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, do vậy có đủ khả năng để nhận thức việc thực hiện hành vi lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Khi bị bắt quả tang giá trị tài sản trộm cắp chỉ có 800.000 đồng, nhưng ngày 01/3/2017 bị cáo T đã bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội trộm cắp tài sản, ngày 03/4/2017 lại tiếp tục phạm tội, nên hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản.

Mặc dù vừa bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xét xử về tội trộm cắp và xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo, nhưng T không lấy đó làm bài học, mà bị cáo T lại tiếp tục thực hiện tiếp hành vi trộm cắp, cụ thể: ngày 27/3/2017 T đã thực hiện hai lần trộm cắp tài sản, lần một vào nhà ông Phạm Anh V lấy 1.100.000 đồng, lần hai vào nhà ông Phạm Gia L lấy 35.000.000 đồng; ngày 29/3/2017 vào nhà ông Phạm Gia L lấy khoảng hơn 40.000.000 đồng, đến ngày 03/4/2017 lại tiếp tục vào nhà ông L lấy tiếp máy tính bảng trị giá 800.000 đồng thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi trộm cắp của T ngày 27, 29/3/2017 đều chưa bị xử lý, nên cần phải cộng với hành vi trộm cắp ngày 03/4/2017 để xử lý. Do vậy xác định tổng giá trị tài sản bị cáo T trộm cắp là 82.900.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Vũ T phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo Phạm Vũ T là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp, xâm phạm đến tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm, nhằm răn đe giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung tội phạm.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có một tiền án. Xác định bị cáo có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện nhiều lần vào nhà ông L trộm cắp tài sản là tiền, trong đó có hai lần đã đủ số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự, cụ thể ngày 27/3/2017 Phạm Vũ T lấy được 35.500.000 đồng; ngày 29/3/2017 lấy được hơn 40.000.000 đồng. Nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Đối với tiền án của bị cáo đã áp dụng để tính làm điều kiện cấu thành tội, nên không áp dụng tình tiết này là tái phạm.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét tính chất của vụ án và hậu quả của hành vi phạm tội là nghiêm trọng; xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo, để bị cáo tu dưỡng phấn đấu trở thành công dân tốt biết tôn trọng pháp luật và sống có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo T đang chấp hành bản án số: 28/2017/HSST ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, xử phạt bị cáo T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội trộm cắp tài sản, nay lại phạm tội mới trong thời gian thử thách. Nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 và khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo T.

Đồng thời Hội đồng xét xử căn cứ vào Nghị quyết số 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xem xét có mức án phù hợp đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng và không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị hại ông Phạm Gia L và bà Vy Thị X yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 81.000.000 đồng mà bị cáo đã lấy trộm. Bị cáo Phạm Vũ T nhất trí bồi thường số tiền bị hại yêu cầu. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, nên cần công nhận sự thỏa thuận này.

Về xử lý vật chứng: Xác định 01 thanh sắt hình trụ dạng đinh vít, có đầu nhọn, kích thước 17cm x 02cm; 01 thanh sắt kích thước 94cm x 2,5cm; 01 con dao dài 28cm cả chuôi, bản rộng nhất là 04cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu đen là phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Vũ T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; khoản 2 Điều 51; khoản 5 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 và Nghị quyết số 41/2017/NQ14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Vũ T 03 (ba) năm tù. Cộng với hình phạt của bản án số 28/2017/HSST, ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xử phạt bị cáo T 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt chung của cả hai bản án bị cáo Phạm Vũ T phải chấp hành là 03 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/4/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589 và Điều 357 Bộ luật dân sự - Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại như sau:

Bị cáo Phạm Vũ T có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Gia L và bà Vy Thị X, đều cư trú tại: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh S số tiền 81.000.000 đồng (tám mươi một triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm Gia L và bà Vy Thị X nếu bị cáo T chưa bồi thường được số tiền trên, thì bị cáo T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt hình trụ dạng đinh vít, có đầu nhọn, kích thước 17cm x 02cm; 01 thanh sắt kích thước 94cm x 2,5cm; 01 con dao dài 28cm cả chuôi, bản rộng nhất là 04cm, phần lưỡi bằng kim loại màu trắng, cán bằng nhựa màu đen là phương tiện phạm tội.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Phạm Vũ T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 4.050.000đ tiền án phí dân sự có giá ngạch sung quỹ Nhà nước.

Báo cho bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV27 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Công an huyện Chi Lăng;
- CCTHA dân sự huyện Chi Lăng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Duyệt

